

Số: *HH* /2021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày *11* tháng *8* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố cung cấp và sử dụng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 443/TTr-STNMT ngày 21 tháng 7 năm 2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Xuân Trường**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm: Thông tin, dữ liệu đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định 73/2017/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai.

#### **Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ thực theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu đất đai;
- b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
- c) Cơ sở dữ liệu môi trường;
- d) Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
- đ) Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ;
- e) Cơ sở dữ liệu viễn thám;
- g) Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
- h) Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
- i) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;
- k) Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;
- l) Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm**

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, cố ý làm mất thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
3. Truy cập, mua bán, chuyển giao, hủy trái phép thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; truy cập vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng tài khoản của người khác hoặc cho người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
4. Sử dụng dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
5. Mang dữ liệu tài nguyên và môi trường ra nước ngoài trái phép; vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
6. Lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trái với quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 6. Giao nộp, cung cấp thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ sản phẩm có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu được quy định Điều 3 Quy chế này về Sở Tài nguyên và Môi trường (trực tiếp là Văn phòng Đăng ký đất đai) một (01) bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một (01) bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp khác có dữ liệu tài nguyên và môi trường (thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh đảm bảo thống nhất trong quản lý khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường (về hệ thống máy chủ qua tài khoản ID do Sở Tài nguyên và Môi trường Lào Cai cung cấp). Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu**

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

**Điều 8. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ thông tin, dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số tài nguyên và môi trường**

1. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ dữ liệu:

a) Dữ liệu thu thập (hoặc tiếp nhận) phải được đánh giá, phân loại, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ;

b) Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

c) Việc in, sao, chụp, vận chuyển giao nhận, lưu trữ, bảo quản, cung cấp, truyền thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

d) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ của tài liệu lưu trữ có nguy cơ bị hư hỏng.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu đối với hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, cụ thể:

- Định kỳ 3 (ba) tháng 1 lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

- Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên thiết bị nhớ: Đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD...) và lưu trữ theo quy trình quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường phải thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017.

**Điều 10. Xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử, phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc chính phủ điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở ban, ngành, UBND các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giao nộp thông tin dữ liệu; xây dựng, vận hành, cập nhật, quản lý khai thác và sử dụng dữ liệu, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 12, Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017;

b) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai;

c) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí đảm bảo thường xuyên, liên tục, định kỳ, cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bao đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao;

đ) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng, bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép, phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

**Điều 11. Kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác quản lý nhà

nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương thông qua các hình thức sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) truy cập trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN hoặc hệ thống mạng số liệu chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên trang Internet thông qua cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu đối với cơ quan quản lý, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường theo mẫu số 02, mẫu số 03 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

d) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác sử dụng thông tin dữ liệu theo quy định của pháp luật theo mẫu số 04 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Đối tượng được phép khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

Đối tượng được phép khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng vào mục đích hợp pháp.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tham mưu tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.



2. Tiếp nhận, thu thập, xử lý, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, tích hợp vận hành, duy trì, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai. công thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh và các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai thực hiện lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

5. Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng dữ liệu về môi trường.

6. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý theo quy định pháp luật hiện hành đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai được phê duyệt.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai.

9. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, nội dung báo cáo thực hiện theo mẫu số 05 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ vận hành, quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành các lĩnh vực.

3. Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai với kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kinh phí phục vụ cho công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng các khoản thu từ khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Có ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường theo nội dung được phân công hoặc lĩnh vực phụ trách.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Văn phòng Đăng ký đất đai theo quy định.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan**

1. Thực hiện giao nộp, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Thực hiện nộp, trả phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường theo quy định.

**Điều 18. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành**

1. Đối với những thông tin, dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 03 (ba) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực nhưng sản phẩm, thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường chưa được đánh giá, nghiệm thu, việc giao nộp thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

**Điều 19. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai**

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước; Chi thường xuyên, chi chương trình, dự án, đề án (nếu có), nguồn thu để lại theo quy định; và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai làm cơ sở cho Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này có thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.